



CÔNG TY CP MÍA ĐƯỜNG - NHIỆT ĐIỆN GIA LAI
GiaLai Cane Sugar Thermoelectricity Joint Stock Company

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 366.../2013/CBTT-SEC

Gia Lai, ngày 14... tháng 08.. năm 2013

Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HCM

Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG - NHIỆT ĐIỆN GIA LAI

Trụ sở chính: 561 Trần Hưng Đạo - Thị xã Ayunpa - Gia Lai

Điện thoại: 059.3657.245

Fax: 059.3657.245

Người được ủy quyền công bố thông tin: Hồ Đắc Dũng

Địa chỉ: 561 Trần Hưng Đạo - Thị xã Ayunpa - Gia Lai

Điện thoại: 0913.446.622

Fax: 059.3657.245

Nội dung thông tin công bố: Báo cáo tài chính soát xét 6 tháng đầu năm 2013

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm: Báo cáo tài chính soát xét 6 tháng đầu năm 2013.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.



Hồ Đắc Dũng



**Công ty Cổ phần Mía đường -
Nhiệt điện Gia Lai**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho
giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013

Công ty Cổ phần Mía đường - Nhiệt điện Gia Lai
Thông tin về Công ty

Giấy phép Đầu tư số	1950/GP 1950/GPĐC1	ngày 18 tháng 7 năm 1997 ngày 19 tháng 4 năm 2005
	Giấy phép Đầu tư và giấy phép điều chỉnh do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp.	
Giấy Chứng nhận Đầu tư số	1950/GPĐC2/39/1	ngày 19 tháng 10 năm 2007
	Giấy Chứng nhận Đầu tư của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là ngày 31 tháng 10 năm 2011. Giấy Chứng nhận Đầu tư và các điều chỉnh do Ủy ban Nhân dân tỉnh Gia Lai cấp và có giá trị trong vòng 40 năm kể từ ngày cấp giấy Chứng nhận Đầu tư đầu tiên.	
Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số	3903000148 5900421955	ngày 2 tháng 8 năm 2007 ngày 21 tháng 7 năm 2009
	Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là ngày 18 tháng 5 năm 2012. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và các điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp.	
Hội đồng Quản trị	Bà Nguyễn Thị Hoa Ông Tân Xuân Hiến Ông Đinh Văn Hiệp Ông Trịnh Minh Châu Ông Cáp Thành Dũng Ông Nguyễn Thanh Ngữ	Chủ tịch Thành viên Thành viên Thành viên (đến ngày 29 tháng 3 năm 2013) Thành viên Thành viên (từ ngày 29 tháng 3 năm 2013)
Ban Tổng Giám đốc	Ông Cáp Thành Dũng Ông Nguyễn Văn Lùng Ông Hồ Đắc Dũng Ông Nguyễn Tiến Cường	Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc
Ban Kiểm soát	Ông Phạm Cao Sơn Ông Lê Trọng Nam Ông Lưu Mạnh Thức	Trưởng ban Kiểm soát Thành viên Thành viên
Trụ sở đăng ký	561 Trần Hưng Đạo Thị xã Ayunpa Tỉnh Gia Lai Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

Công ty Cổ phần Mía đường - Nhiệt điện Gia Lai
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày từ trang 4 đến trang 42 đã được lập và trình bày để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ này.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Cấp Thành Dũng
Tổng Giám đốc

Gia Lai, ngày 13 tháng 8 năm 2013



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street
District 1, Ho Chi Minh City
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (8) 3821 9266
Fax +84 (8) 3821 9267
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VỀ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Mía đường - Nhiệt điện Gia Lai**

Phạm vi soát xét

Chúng tôi đã soát xét bảng cân đối kế toán đính kèm của Công ty Cổ phần Mía đường - Nhiệt điện Gia Lai (“Công ty”) tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo (“báo cáo tài chính giữa niên độ”) được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 13 tháng 8 năm 2013, được trình bày từ trang 4 đến trang 42. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính giữa niên độ này căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 910 về Công tác Soát xét Báo cáo Tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công tác soát xét để có được sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính giữa niên độ không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét chủ yếu bao gồm phỏng vấn nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính và do vậy việc soát xét cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện kiểm toán và do đó chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng các báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Mía đường - Nhiệt điện Gia Lai tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và luồng lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Công ty TNHH KPMG
Việt Nam**

Giấy Chứng nhận Đầu tư số: 011043000345
Báo cáo soát xét số: 13-01-302



Nguyễn Thanh Nghị
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số: 0304-2013-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Lâm Thị Ngọc Hào
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số: 0866-2013-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 8 năm 2013

Công ty Cổ phần Mía đường - Nhiệt điện Gia Lai
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2013

Mẫu B 01a - DN

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		261.802.218.644	286.389.125.039
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	6.599.324.328	51.116.087.640
Tiền	111		6.599.324.328	28.116.087.640
Các khoản tương đương tiền	112		-	23.000.000.000
Các khoản đầu tư ngắn hạn	120	12	40.000.000.000	-
Các khoản đầu tư ngắn hạn	121		40.000.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	6	101.619.016.160	111.959.207.835
Phải thu khách hàng	131		14.131.497.173	23.344.463.210
Trả trước cho người bán	132		84.150.885.811	82.493.825.111
Các khoản phải thu khác	135		3.617.664.616	6.401.950.954
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(281.031.440)	(281.031.440)
Hàng tồn kho	140	7	108.971.332.461	109.347.537.294
Tài sản ngắn hạn khác	150		4.612.545.695	13.966.292.270
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.725.185.920	9.762.078.833
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	3.182.120.344
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	8	67.960.540	121.365.858
Tài sản ngắn hạn khác	158		2.819.399.235	900.727.235
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 250 + 260)	200		383.851.906.966	382.848.368.080
Tài sản cố định	220		351.220.664.978	349.228.342.959
Tài sản cố định hữu hình	221	9	341.109.784.959	331.495.146.712
<i>Nguyên giá</i>	222		558.592.022.098	530.858.719.055
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(217.482.237.139)	(199.363.572.343)
Tài sản cố định vô hình	227	10	36.888.490	80.651.394
<i>Nguyên giá</i>	228		589.186.516	589.186.516
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(552.298.026)	(508.535.122)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	11	10.073.991.529	17.652.544.853

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Mía đường - Nhiệt điện Gia Lai
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 01a - DN

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	12	21.686.677.781	19.806.688.449
Đầu tư dài hạn khác	258		21.686.677.781	19.806.688.449
Tài sản dài hạn khác	260		10.944.564.207	13.813.336.672
Chi phí trả trước dài hạn	261	13	10.935.564.207	13.804.336.672
Tài sản dài hạn khác	268		9.000.000	9.000.000
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		645.654.125.610	669.237.493.119
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		383.953.756.030	442.340.089.272
Nợ ngắn hạn	310		248.768.256.030	306.676.738.465
Vay ngắn hạn	311	14	174.753.335.670	243.594.658.667
Phải trả người bán	312	15	10.425.543.219	34.228.330.716
Người mua trả tiền trước	313	16	17.229.878.844	11.364.339.972
Thuế phải nộp Nhà nước	314	17	22.032.080.544	8.805.014.053
Phải trả người lao động	315		9.707.098.264	1.285.182.181
Chi phí phải trả	316	18	10.110.322.620	2.315.828.388
Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	19	1.478.945.278	2.680.954.446
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323	20	3.031.051.591	2.402.430.042
Nợ dài hạn	330		135.185.500.000	135.663.350.807
Nợ dài hạn khác	333		185.500.000	185.500.000
Vay dài hạn	334	21	135.000.000.000	135.477.850.807
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		261.700.369.580	226.897.403.847
Vốn chủ sở hữu	410	22	261.700.369.580	226.897.403.847
Vốn cổ phần	411	23	174.065.800.000	174.065.800.000
Cổ phiếu quỹ	414	23	(1.044.000)	(1.044.000)
Quỹ đầu tư phát triển	417		32.182.036.384	28.044.633.501
Quỹ dự phòng tài chính	418		13.429.958.893	11.361.257.452
Lợi nhuận chưa phân phối	420		42.023.618.303	13.426.756.894
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		645.654.125.610	669.237.493.119

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Mía đường - Nhiệt điện Gia Lai
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 01a - DN

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

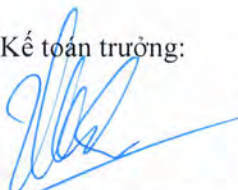
	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Hàng hóa nhận giữ hộ cho khách hàng	2.015.231.955	12.515.264.967
Ngoại tệ (Đô la Mỹ)	-	-
Ngoại tệ (EURO)	-	-

Người lập biểu:



Tô Thị Tố Nga

Kế toán trưởng:



Nguyễn Xuân Thanh

Tổng Giám đốc:



Cấp Thành Dững

Ngày 13 tháng 8 năm 2013

Công ty Cổ phần Mía đường - Nhiệt điện Gia Lai
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013

Mẫu B 02a - DN

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2013 VND	30/6/2012 VND
Tổng doanh thu	01	24	526.660.824.045	450.578.839.926
Giá vốn hàng bán	11	25	441.447.042.863	364.505.572.161
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		85.213.781.182	86.073.267.765
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	8.432.359.564	9.184.108.362
Chi phí tài chính	22	27	13.969.156.130	27.161.022.644
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		<i>13.969.156.130</i>	<i>27.161.022.644</i>
Chi phí bán hàng	24		16.069.310.259	2.441.459.778
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		10.385.274.384	9.014.883.223
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		53.222.399.973	56.640.010.482
Thu nhập khác	31		167.906.262	39.999.455
Chi phí khác	32		230.687.688	29.500.000
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(62.781.426)	10.499.455
Lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40)	50		53.159.618.547	56.650.509.937
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	28	11.785.589.720	8.238.949.373
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	28	-	-
Lợi nhuận sau thuế (60 = 50 - 51 - 52)	60		41.374.028.827	48.411.560.564
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	2.377	2.781

Người lập biểu:



Tô Thị Tố Nga

Kế toán trưởng:



Nguyễn Xuân Thanh

Tổng Giám đốc:



Cấp Thành Dũng

Ngày 13 tháng 8 năm 2013

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Mía đường - Nhiệt điện Gia Lai
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013
(Phương pháp trực tiếp)

Mẫu B 03a - DN

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2013 VND	30/6/2012 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		503.999.598.144	452.165.740.041
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(362.843.992.716)	(413.504.708.121)
Tiền chi trả cho người lao động	03		(15.569.201.397)	(14.909.406.222)
Tiền chi trả lãi vay	04		(12.909.044.293)	(27.132.510.940)
Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(1.254.662.238)	948.436.057
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		19.773.188.409	31.438.530.201
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(32.050.999.514)	(27.519.692.453)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20		99.144.886.395	1.486.388.563
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(34.800.192.429)	(16.375.950.127)
Tiền chi cho các đơn vị khác vay	23		(65.000.000.000)	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(4.200.000.000)	-
Tiền chi cho các khoản vay cấp cho nông dân trồng mía	25		-	(1.945.150.000)
Tiền thu hồi các khoản vay cấp cho nông dân trồng mía	26		2.320.010.668	1.010.259.975
Tiền thu lãi cho vay và cổ tức	27		2.393.940.858	4.941.710.626
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30		(99.286.240.903)	(12.369.129.526)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Mía đường - Nhiệt điện Gia Lai
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013
(Phương pháp trực tiếp - tiếp theo)

Mẫu B 03a - DN

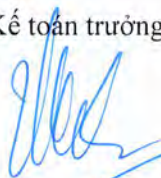
	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2013 VND	30/6/2012 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được	33		525.477.713.424	310.484.029.627
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(569.796.887.228)	(268.078.482.625)
Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	36		(56.235.000)	(38.011.906.200)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40		(44.375.408.804)	4.393.640.802
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		(44.516.763.312)	(6.489.100.161)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		51.116.087.640	18.958.862.274
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	5	6.599.324.328	12.469.762.113

Người lập biểu:



Tô Thị Tố Nga

Kế toán trưởng:



Nguyễn Xuân Thanh

Tổng Giám đốc:



Cấp Thành Dũng

Ngày 13 tháng 8 năm 2013

Công ty Cổ phần Mía đường - Nhiệt điện Gia Lai
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013

- Mẫu B 09a – DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Mía đường - Nhiệt điện Gia Lai (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty là sản xuất đường và các sản phẩm phụ làm từ mía; trồng cây mía; sản xuất và phân phối điện; xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng; chế biến hàng nông sản; sản xuất và kinh doanh phân bón và đầu tư tài chính.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 172/QĐ-SGDCKHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23 tháng 12 năm 2009.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 Công ty có 347 nhân viên (31/12/2012: 340 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho các báo cáo tài chính giữa niên độ. Báo cáo tài chính giữa niên độ này cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp trực tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”).

Công ty Cổ phần Mía đường - Nhiệt điện Gia Lai
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn nguyên giá hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ. Dự phòng được hoàn nhập nếu việc tăng giá trị có thể thu hồi sau đó có thể liên hệ một cách khách quan tới một sự kiện phát sinh sau khi khoản dự phòng này được lập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận. Lợi nhuận được phân bổ từ kết quả hoạt động kinh doanh phát sinh sau ngày Công ty mua lại được ghi nhận là doanh thu trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lợi ích được phân bổ từ các nguồn khác kết quả hoạt động kinh doanh trên được ghi nhận như là một khoản thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào nguyên giá các khoản đầu tư.

Từ ngày 1 tháng 11 năm 2012, Công ty ghi nhận khoản đầu tư ngắn hạn cho nông dân trồng mía vào tài khoản “trả trước cho người bán”.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Trả trước cho người bán

Bao gồm trong khoản trả trước cho người bán có các khoản trả trước cho nông dân trồng mía được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng cho các khoản trả trước quá hạn. Dự phòng cho các khoản trả trước quá hạn được lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009.

Công ty Cổ phần Mía đường - Nhiệt điện Gia Lai
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	5 – 50 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 20 năm
▪ phương tiện vận chuyển	2 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 10 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 4 đến 5 năm.

Công ty Cổ phần Mía đường - Nhiệt điện Gia Lai
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất từ 43 đến 50 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ được phân loại là chi phí trả trước dài hạn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng từ 2 đến 3 năm.

(k) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(i) Dự phòng chi phí hoạt động

Dự phòng chi phí hoạt động liên quan đến các chi phí có thể phát sinh trong giai đoạn không sản xuất theo mùa vụ. Các khoản dự phòng được ước tính dựa trên kinh nghiệm, các sự kiện và các ước tính tốt nhất của Ban Tổng Giám đốc. Các thông tin và sự kiện được dùng để ước tính các khoản dự phòng có thể thay đổi trong các giai đoạn tiếp theo và do đó kết quả xảy ra có thể cao hơn hoặc thấp hơn so với các đánh giá đã được trình bày trong báo cáo tài chính định kỳ.

Công ty Cổ phần Mía đường - Nhiệt điện Gia Lai
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(ii) Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Công ty.

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

(m) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tính chất và phạm vi rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - được mua hoặc tạo ra chủ yếu nhằm bán lại hoặc mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Mía đường - Nhiệt điện Gia Lai
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa là các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các tài sản tài chính mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và phải thu.

(ii) Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
 - được mua hoặc tạo ra chủ yếu nhằm bán lại hoặc mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Công ty Cổ phần Mía đường - Nhiệt điện Gia Lai
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

(n) Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập dựa trên nghị quyết của các cổ đông. Quỹ này được sử dụng duy nhất cho việc chi trả tiền thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty. Các khoản chi trả từ quỹ khen thưởng và phúc lợi không được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(o) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Công ty Cổ phần Mía đường - Nhiệt điện Gia Lai
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(p) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận như một khoản giảm trừ vốn chủ sở hữu.

(q) Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập dựa trên quyết định của các cổ đông tại đại hội cổ đông hàng năm.

(r) Doanh thu

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(ii) Doanh thu từ điện

Doanh thu được ghi nhận dựa trên khối lượng điện đã cung cấp và giá bán đã thỏa thuận với người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan đến khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận tương ứng theo tỷ lệ thời gian trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iv) Doanh thu từ cổ tức

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được thiết lập.

(s) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

Công ty Cổ phần Mía đường - Nhiệt điện Gia Lai

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(t) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện thì khi đó chi phí sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản cố định này.

(u) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(v) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Công ty không có cổ phiếu phổ thông suy giảm tiềm năng.

(w) Các công ty liên quan

Các công ty liên quan bao gồm các cổ đông, các công ty mẹ cấp cao nhất, các công ty con và các công ty liên kết của các công ty này.

4. Báo cáo bộ phận

Công ty chủ yếu hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất, là sản xuất và kinh doanh đường và các sản phẩm phụ và trong một bộ phận địa lý là Việt Nam.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Tiền mặt	3.532.393	93.996.710
Tiền gửi ngân hàng	6.595.791.935	28.022.090.930
Các khoản tương đương tiền	-	23.000.000.000
Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ	6.599.324.328	51.116.087.640

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 không có tiền gửi ngân hàng (31/12/2012: 51.022 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty.

Công ty Cổ phần Mía đường - Nhiệt điện Gia Lai
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

6. Các khoản phải thu ngắn hạn

Bao gồm trong các khoản phải thu có các khoản phải thu từ các bên liên quan sau:

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Phải thu từ các cổ đông		
Thương mại	1.181.345.845	-
Phi thương mại	1.885.989.000	-
Phải thu từ các công ty liên quan		
Thương mại	-	16.728.612.162
Phi thương mại	255.555.556	-

Các khoản phải thu từ các công ty liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi suất và được hoàn trả trong vòng 5 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn đối với phải thu thương mại và được hoàn trả theo yêu cầu đối với các khoản phải thu khác.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 khoản phải thu với giá trị ghi sổ là 88.893 triệu VND (31/12/2012: 76.366 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty.

Khoản trả trước cho người bán bao gồm khoản trả trước cho nông dân trồng mía với giá trị là 73.917 triệu VND (31/12/2012: 76.648 triệu VND). Các khoản trả trước cho nông dân trồng mía không được đảm bảo và hưởng lãi suất năm dao động từ 14,5% đến 17,5% trong kỳ (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2012: 10% đến 17%).

Trong kỳ, Công ty đã ghi nhận khoản trả trước cho nông dân trồng mía với giá trị là 59.926 triệu VND thông qua việc bán mía giống và phân bón (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2012: 56.070 triệu VND) và căn trừ khoản trả trước cho nông dân trồng mía với mía nguyên liệu mua từ nông dân với giá trị là 63.701 triệu VND (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2012: 46.097 triệu VND).

Các khoản phải thu ngắn hạn khác bao gồm:

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Cổ tức phải thu	1.720.989.000	-
Lãi phải thu từ các khoản vay và ứng trước cấp cho nông dân trồng mía	1.869.569.122	6.132.384.260
Phải thu khác	27.106.494	269.566.694
	3.617.664.616	6.401.950.954

Công ty Cổ phần Mía đường - Nhiệt điện Gia Lai
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

7. Hàng tồn kho

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Hàng mua đang đi đường	-	27.600.000
Nguyên vật liệu	11.409.827.050	10.384.194.328
Công cụ và dụng cụ	791.192.129	2.154.964.448
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.237.211.942	4.617.729.463
Thành phẩm	94.806.389.666	91.915.774.750
Hàng hóa	726.711.674	247.274.305
	108.971.332.461	109.347.537.294

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 hàng tồn kho với giá trị ghi sổ là 108.971 triệu VND (31/12/2012: 109.348 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

8. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Các khoản thuế đã nộp cho Nhà nước có thể được hoàn lại		
▪ Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	121,365,858
▪ Thuế thu nhập cá nhân	67,960,540	-
	67,960,540	121,365,858

Công ty Cổ phần Mía đường - Nhiệt điện Gia Lai
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	91.363.435.427	430.446.897.940	6.807.741.401	2.240.644.287	530.858.719.055
Tăng trong kỳ	97.400.000	1.640.063.818	559.463.636	-	2.296.927.454
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	567.339.395	22.632.746.752	2.662.200.000	-	25.862.286.147
Chuyển từ chi phí trả trước dài hạn	1.252.568.161	-	-	-	1.252.568.161
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(218.391.535)	(453.685.906)	(47.881.700)	(958.519.578)	(1.678.478.719)
Số dư cuối kỳ	93.062.351.448	454.266.022.604	9.981.523.337	1.282.124.709	558.592.022.098
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	35.299.066.619	160.815.759.219	2.048.413.097	1.200.333.408	199.363.572.343
Khấu hao trong kỳ	1.873.215.315	16.057.789.683	487.173.804	219.753.822	18.637.932.624
Chuyển từ chi phí trả trước dài hạn	423.498.862	-	-	-	423.498.862
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(119.055.631)	(235.494.779)	(46.721.043)	(541.495.237)	(942.766.690)
Số dư cuối kỳ	37.476.725.165	176.638.054.123	2.488.865.858	878.591.993	217.482.237.139
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	56.064.368.808	269.631.138.721	4.759.328.304	1.040.310.879	331.495.146.712
Số dư cuối kỳ	55.585.626.283	277.627.968.481	7.492.657.479	403.532.716	341.109.784.959

Giá trị của tài sản cố định hữu hình được mua trước ngày 19 tháng 10 năm 2007 được ghi nhận dựa vào giá trị hợp lý của các tài sản này tại ngày cổ phần hóa, được định giá bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Hoàng Gia và được các cổ đông của Công ty chấp thuận.

Bao gồm trong nguyên giá tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 có các tài sản có nguyên giá 99.906 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (31/12/2012: 100.355 triệu VND).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ là 148.707 triệu VND (31/12/2012: 250.041 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty.

Công ty Cổ phần Mía đường - Nhiệt điện Gia Lai
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

10. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ và số dư cuối kỳ	589.186.516
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	508.535.122
Khấu hao trong kỳ	43.762.904
Số dư cuối kỳ	552.298.026
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	80.651.394
Số dư cuối kỳ	36.888.490

Bao gồm trong nguyên giá tài sản cố định vô hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 có các tài sản có nguyên giá 148 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (31/12/2012: 148 triệu VND).

11. Xây dựng cơ bản dở dang

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2013	30/6/2012
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	17.652.544.853	93.219.539.624
Tăng trong kỳ	18.283.732.823	27.072.228.654
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(25.862.286.147)	(118.448.888.885)
Số dư cuối kỳ	10.073.991.529	1.842.879.393

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 không có chi phí xây dựng cơ bản dở dang (31/12/2012: 17.653 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

Công ty Cổ phần Mía đường - Nhiệt điện Gia Lai

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

12. Các khoản đầu tư tài chính

	30/6/2013				31/12/2012			
	Số lượng	% vốn sở hữu	% quyền biểu quyết	VND	Số lượng	% vốn sở hữu	% quyền biểu quyết	VND
Các khoản đầu tư ngắn hạn:								
▪ Khoản vay cấp cho Công ty Cổ phần Điện Gia Lai (a)				20.000.000.000				-
▪ Khoản vay cấp cho Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Bao bì Thành Thành Công (a)				20.000.000.000				-
				40.000.000.000				-
Các khoản đầu tư dài hạn khác:								
▪ Khoản vay cấp cho nông dân trồng mía (b)				3.145.102.781				5.465.113.449
▪ Cổ phiếu Công ty Cổ phần Nghiên cứu và Ứng dụng Mía đường Thành Thành Công (c)	420.000	14%	14%	4.200.000.000	-	-	-	-
▪ Cổ phiếu Công ty Cổ phần Điện Gia Lai	956.105	1,8%	1,8%	14.341.575.000	956.105	1,8%	1,8%	14.341.575.000
				21.686.677.781				19.806.688.449
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn				-				-
				21.686.677.781				19.806.688.449

Công ty Cổ phần Mía đường - Nhiệt điện Gia Lai
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

- (a) Các khoản vay cấp cho Công ty Cổ phần Điện Gia Lai và Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Bao bì Thành Thành Công không được đảm bảo và hưởng lãi suất năm tương ứng là 11% và 11.5% trong kỳ.
- (b) Các khoản vay cấp cho nông dân trồng mía không được bảo đảm và hưởng lãi suất năm là 14.5% trong kỳ (giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2012: 14% to 15%). Khoản vay được thu hồi theo từng kỳ giải ngân trong thời hạn vay từ 1 đến 3 năm.
- (c) Công ty Cổ phần Nghiên cứu và Ứng dụng Mía đường Thành Thành Công là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3901162964 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp ngày 21 tháng 3 năm 2013. Hoạt động chính của công ty là nghiên cứu và lai tạo mía giống, phân tích đất, kỹ thuật canh tác và thuốc bảo vệ thực vật; chế tạo máy móc cơ giới trong sản xuất mía.

13. Chi phí trả trước dài hạn

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2013	30/6/2012
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	13.804.336.672	9.137.559.986
Tăng trong kỳ	877.732.818	3.150.522.649
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình – thuần	735.712.029	-
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình – thuần	(829.069.299)	-
Phân bổ trong kỳ	(3.653.148.013)	(2.111.118.282)
Số dư cuối kỳ	10.935.564.207	10.176.964.353

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 chi phí trả trước dài hạn với giá trị ghi sổ là 1.261 triệu VND (31/12/2012: 1.287 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty.

14. Vay ngắn hạn

	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Vay ngắn hạn	159.753.335.670	167.000.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 21)	15.000.000.000	76.594.658.667
	174.753.335.670	243.594.658.667

Công ty Cổ phần Mía đường - Nhiệt điện Gia Lai
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Tiền tệ	Lãi suất	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Ngân hàng TNHH MTV ANZ Việt Nam (a)	VND	7,8%-8,3%	32.000.000.000	52.000.000.000
Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam (b)	VND	8,5%-9,0%	65.000.000.000	65.000.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (“Agribank”) (c)	VND	10,5%-12,5%	62.753.335.670	50.000.000.000
			<u>159.753.335.670</u>	<u>167.000.000.000</u>

- (a) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 1.500.000 Đô la Mỹ và được đảm bảo bằng các khoản phải thu và hàng tồn kho của Công ty với số dư tối thiểu mỗi loại là 750.000 Đô la Mỹ và hợp đồng bảo hiểm hàng tồn kho với số dư tối thiểu là 750.000 Đô la Mỹ. Ngoài ra, Công ty cam kết sẽ chuyển tiền thu được từ việc bán hàng vào tài khoản của Công ty tại Ngân hàng TNHH MTV ANZ Việt Nam để thanh toán các khoản vay.
- (b) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 1.250.000 Đô la Mỹ (từ tháng 7 đến tháng 11 hàng năm) hoặc 3.000.000 Đô la Mỹ (từ tháng 12 đến tháng 6 hàng năm). Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng tồn kho của Công ty với giá trị tương đương 40 tỷ VND và các khoản phải thu với số dư tối thiểu là 60 tỷ VND.
- (c) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 120 tỷ VND và được đảm bảo bằng đường thành phẩm sản xuất trong vụ ép 2012-2013 và hợp đồng bảo hiểm hàng tồn kho với số dư tối thiểu tương ứng với số dư nợ vay tại Agribank.

15. Phải trả người bán

Bao gồm trong các khoản phải trả người bán có các khoản phải trả các bên liên quan như sau:

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Phải trả các công ty liên quan	6.415.665.818	2.545.597.974

Khoản phải trả thương mại đối với các công ty liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Công ty Cổ phần Mía đường - Nhiệt điện Gia Lai
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

16. Người mua trả tiền trước

Bao gồm trong các khoản người mua trả tiền trước có các khoản trả trước từ các bên liên quan như sau:

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Tạm ứng từ các cổ đông để mua đường	15.072.439.997	7.150.000.000

Khoản ứng trước từ các cổ đông không có đảm bảo và không chịu lãi.

17. Thuế phải nộp Nhà nước

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Thuế giá trị gia tăng	11.622.226.420	8.719.601.477
Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.409.561.624	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	85.120.076
Các loại thuế khác	292.500	292.500
	22.032.080.544	8.805.014.053

18. Chi phí phải trả

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Chi phí lãi vay	1.405.875.000	1.484.301.856
Dự phòng chi phí hoạt động trong giai đoạn không sản xuất theo mùa vụ	7.961.651.871	-
Chi phí khác	742.795.749	831.526.532
	10.110.322.620	2.315.828.388

Công ty Cổ phần Mía đường - Nhiệt điện Gia Lai
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

19. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	120.447.026	18.818.814
Bảo hiểm y tế và bảo hiểm xã hội	324.098.485	64.426.392
Cổ tức phải trả	11.150.600	67.385.600
Lương và thưởng của Hội đồng Quản trị	95.000.000	225.000.000
Phải trả khác	928.249.167	2.305.323.640
	<hr/>	<hr/>
	1.478.945.278	2.680.954.446
	<hr/>	<hr/>

20. Quỹ khen thưởng và phúc lợi

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2013	30/6/2012
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	2.402.430.042	4.520.677.797
Trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối trong kỳ	6.571.063.094	7.629.661.920
Sử dụng trong kỳ	(5.942.441.545)	(8.472.871.347)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	3.031.051.591	3.677.468.370
	<hr/>	<hr/>

21. Vay dài hạn

	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Vay dài hạn	150.000.000.000	212.072.509.474
Hoàn trả trong vòng mười hai tháng (Thuyết minh 14)	(15.000.000.000)	(76.594.658.667)
	<hr/>	<hr/>
Hoàn trả sau mười hai tháng	135.000.000.000	135.477.850.807
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Mía đường - Nhiệt điện Gia Lai
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Tiền tệ	Lãi suất	Năm đáo hạn	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín (a)					
▪ Khoản vay 1	VND	14% - 20,88%	2012	-	-
▪ Khoản vay 2	VND	14% - 20%	2013	-	615.666.000
▪ Khoản vay 3	VND	14% - 20,71%	2013	-	55.000.000.000
▪ Khoản vay 4	VND	14% - 20,71%	2015	-	2.018.750.000
▪ Khoản vay 5	VND	14% - 19,5%	2019	-	94.863.330.489
▪ Khoản vay 6	VND	14% - 18,32%	2019	-	4.272.924.152
▪ Khoản vay 7	VND	14% - 20,28%	2021	-	55.301.838.833
Khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu (b)					
	VND	13%	2023	150.000.000.000	-
				150.000.000.000	212.072.509.474

- (a) Trong kỳ, Công ty đã hoàn trả toàn bộ khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín trước khi đến hạn.
- (b) Khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu với hạn mức tối đa là 150 tỷ VND được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất của Công ty với giá trị ghi sổ là 1.261 triệu VND; máy móc và thiết bị với giá trị ghi sổ là 148.707 triệu VND và các khoản phải thu từ việc bán điện cho Tổng Công ty Điện lực Miền Trung với giá trị ghi sổ là 13.046 triệu tại ngày 30 tháng 6 năm 2013. Số dư nợ gốc tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 được hoàn trả trong 40 quý bằng nhau với số tiền mỗi quý là 3.750 triệu VND bắt đầu từ ngày 12 tháng 7 năm 2013. Kỳ hoàn trả cuối cùng là vào ngày 12 tháng 4 năm 2023.

Công ty Cổ phần Mía đường - Nhiệt điện Gia Lai

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

22. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2012	174.065.800.000	(1.044.000)	21.646.199.241	8.162.040.322	12.185.917.609	216.058.913.172
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	48.411.560.564	48.411.560.564
Phân bổ vào các quỹ	-	-	4.503.590.564	2.251.795.282	(6.755.385.846)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	(7.629.661.920)	(7.629.661.920)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2012	174.065.800.000	(1.044.000)	26.149.789.805	10.413.835.604	46.212.430.407	256.840.811.816
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	15.572.782.031	15.572.782.031
Cổ tức	-	-	-	-	(43.516.190.000)	(43.516.190.000)
Phân bổ vào các quỹ	-	-	1.894.843.696	947.421.848	(2.842.265.544)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	(2.000.000.000)	(2.000.000.000)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	174.065.800.000	(1.044.000)	28.044.633.501	11.361.257.452	13.426.756.894	226.897.403.847
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	41.374.028.827	41.374.028.827
Phân bổ vào các quỹ	-	-	4.137.402.883	2.068.701.441	(6.206.104.324)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	(6.571.063.094)	(6.571.063.094)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2013	174.065.800.000	(1.044.000)	32.182.036.384	13.429.958.893	42.023.618.303	261.700.369.580

Công ty Cổ phần Mía đường - Nhiệt điện Gia Lai
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

23. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2013		31/12/2012	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	17.406.580	174.065.800.000	17.406.580	174.065.800.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	17.406.580	174.065.800.000	17.406.580	174.065.800.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	104	1.040.000	104	1.040.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	17.406.476	174.064.760.000	17.406.476	174.064.760.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Đối với các cổ phiếu đã được Công ty mua lại, các quyền trên đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động trong vốn cổ phần và cổ phiếu quỹ trong kỳ.

24. Tổng doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2013 VND	30/6/2012 VND
Tổng doanh thu		
▪ Đường	422.898.655.344	362.780.952.378
▪ Mật ri	21.903.809.520	18.446.057.333
▪ Phân bón	61.481.933.752	56.412.970.349
▪ Điện	17.659.417.010	10.417.892.760
▪ Khác	2.717.008.419	2.520.967.106
	526.660.824.045	450.578.839.926

Công ty Cổ phần Mía đường - Nhiệt điện Gia Lai
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

25. Giá vốn hàng bán

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2013 VND	30/6/2012 VND
Tổng giá vốn hàng bán		
▪ Đường	339.310.215.901	274.258.431.973
▪ Mật ri	21.624.747.329	20.290.519.987
▪ Phân bón	61.554.741.918	56.899.986.390
▪ Điện	16.203.226.386	10.417.892.760
▪ Khác	2.754.111.329	2.638.741.051
	<hr/>	<hr/>
	441.447.042.863	364.505.572.161
	<hr/>	<hr/>

26. Doanh thu hoạt động tài chính

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2013 VND	30/6/2012 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	462.139.856	1.300.949.521
Lãi từ nông dân trồng mía	5.782.841.819	7.883.158.841
Lãi từ các khoản cho vay	466.388.889	-
Cổ tức của Công ty Cổ phần Điện Gia Lai	1.720.989.000	-
	<hr/>	<hr/>
	8.432.359.564	9.184.108.362
	<hr/>	<hr/>

27. Chi phí tài chính

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2013 VND	30/6/2012 VND
Chi phí lãi vay	13.969.156.130	27.161.022.644
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Mía đường - Nhiệt điện Gia Lai
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

28. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2013 VND	30/6/2012 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Kỳ hiện hành	10.844.860.691	8.238.949.373
Dự phòng thiếu trong những năm trước	940.729.029	-
	<u>11.785.589.720</u>	<u>8.238.949.373</u>

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2013 VND	30/6/2012 VND
Lợi nhuận trước thuế	53.159.618.547	56.650.509.937
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	13.289.904.637	14.162.627.484
Chi phí không được khấu trừ thuế	317.203.575	309.692.459
Ưu đãi thuế	(2.332.000.271)	(6.233.370.570)
Thu nhập không chịu thuế	(430.247.250)	-
Dự phòng thiếu trong những năm trước	940.729.029	-
	<u>11.785.589.720</u>	<u>8.238.949.373</u>

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Giấy phép Đầu tư và các quy định thuế hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập như sau:

- 10% trên lợi nhuận tính thuế từ dự án đầu tư nhà máy đường từ năm 2005 đến năm 2011 và 25% cho những năm tiếp theo. Công ty cũng được giảm 50% thuế thu nhập từ năm 2005 đến năm 2013 đối với lợi nhuận thu được từ dự án đầu tư nhà máy đường. Việc miễn giảm thuế nêu trên không áp dụng với lợi nhuận phát sinh từ các dự án đầu tư nâng công suất của nhà máy đường.
- 25% lợi nhuận tính thuế từ các khoản thu nhập khác.

Công ty Cổ phần Mía đường - Nhiệt điện Gia Lai
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

29. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2013 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông là 41.374.028.827 VND (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2012: 48.411.560.564 VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 17.406.476 (2012: 17.406.476), được tính như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2013 VND	30/6/2012 VND
Lợi nhuận thuần trong kỳ	41.374.028.827	48.411.560.564
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	41.374.028.827	48.411.560.564

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2013 VND	30/6/2012 VND
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu kỳ và cuối kỳ	17.406.476	17.406.476
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông	17.406.476	17.406.476

30. Các công cụ tài chính

(a) Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Các loại rủi ro tài chính mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình là:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Công ty Cổ phần Mía đường - Nhiệt điện Gia Lai
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Công ty nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và các khoản đầu tư vào chứng khoán nợ.

(i) Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính đã phát hành thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa của các tài sản tài chính này. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền (ii)	6.595.791.935	51.022.090.930
Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác (iii)	17.749.161.789	29.746.414.164
Đầu tư ngắn hạn vào các khoản vay cấp cho các bên liên quan (iv)	40.000.000.000	-
Trả trước cho nông dân trồng mía (v)	73.636.333.098	76.366.478.936
Đầu tư dài hạn vào các khoản vay cấp cho nông dân trồng mía (v)	3.145.102.781	5.465.113.449
	141.126.389.603	162.600.097.479

(ii) Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền

Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

(iii) Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác

Rủi ro tín dụng của Công ty liên quan đến khoản phải thu chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, Ban Tổng Giám đốc của Công ty đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được phân tích riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Công ty đưa ra các điều khoản và điều kiện giao hàng và thanh toán chuẩn cho khách hàng đó. Hơn nữa, khách hàng được yêu cầu phải ứng tiền trước khi thực hiện yêu cầu mua hàng. Khoản phải thu đáo hạn trong vòng 5 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn. Khách hàng có số dư phải thu vượt quá 5 ngày được yêu cầu phải thanh toán số dư này trước khi được tiếp tục mua hàng trả chậm.

Công ty Cổ phần Mía đường - Nhiệt điện Gia Lai
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

Dựa trên tỷ lệ thực tế không thu được nợ từ các kỳ trước, Công ty tin rằng, không có khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào cần thiết phải lập cho các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2013. Bảng phân tích tuổi nợ các khoản phải thu như sau:

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Trong hạn	9.784.373.726	29.746.414.164
Quá hạn từ 0 – 30 ngày	3.784.891.440	-
Quá hạn từ 31 – 180 ngày	3.572.389.623	-
Quá hạn trên 180 ngày	607.507.000	-
	17.749.161.789	29.746.414.164

(iv) Đầu tư ngắn hạn vào các khoản vay cấp cho các bên liên quan

Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản cho vay này và không cho rằng các bên liên quan này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

(v) Trả trước cho người bán và đầu tư dài hạn vào các khoản vay cấp cho nông dân trồng mía

Rủi ro tín dụng của Công ty liên quan đến khoản trả trước và đầu tư dài hạn vào các khoản vay cấp cho nông dân trồng mía chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng người nông dân. Đối phó với những rủi ro này, Ban Tổng Giám đốc của Công ty đã thiết lập một chính sách đầu tư mà theo đó mỗi yêu cầu hỗ trợ tài chính từ người nông dân được phân tích riêng biệt về độ tin cậy của khả năng thu hồi trước khi Công ty đưa ra các điều khoản và điều kiện đầu tư và thu hồi vốn chuẩn cho người nông dân đó. Hơn nữa, người nông dân được yêu cầu phải bán tất cả mía của họ cho Công ty và khoản này sẽ được cần trừ vào khoản trả trước tương ứng. Khoản đầu tư được hoàn trả theo lịch trình được thống nhất giữa nông dân và Công ty.

Dựa trên tỷ lệ thực tế không thu được nợ từ các năm trước, Công ty tin rằng, ngoài dự phòng đã được lập, không có khoản dự phòng nào khác cần thiết phải lập cho các trả trước và khoản đầu tư dài hạn vào các khoản vay cấp cho nông dân trồng mía chưa quyết toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2013. Bảng phân tích tuổi nợ các khoản trả trước và đầu tư dài hạn như sau:

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Trong hạn	76.533.665.873	81.473.202.006
Quá hạn từ 31 – 180 ngày	-	220.949.857
Quá hạn trên 180 ngày	528.801.446	418.471.962
	77.062.467.319	82.112.623.825

Không có biến động trong dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn vào các khoản vay cấp cho nông dân trồng mía trong kỳ.

Công ty Cổ phần Mía đường - Nhiệt điện Gia Lai**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Công ty không thể thanh toán các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	1 – 2 năm VND	2 – 5 năm VND	Hơn 5 năm VND
Vay và nợ ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	159.753.335.670	166.194.293.499	166.194.293.499	-	-	-
Phải trả người bán	10.425.543.219	10.425.543.219	10.425.543.219	-	-	-
Phải trả người lao động	9.707.098.264	9.707.098.264	9.707.098.264	-	-	-
Chi phí phải trả	10.110.322.620	10.110.322.620	10.110.322.620	-	-	-
Phải trả khác	1.478.945.278	1.478.945.278	1.478.945.278	-	-	-
Vay dài hạn						
Vay dài hạn	150.000.000.000	232.181.458.333	30.535.208.333	28.908.125.000	76.972.187.500	95.765.937.500
	341.475.245.051	430.097.661.213	228.451.411.213	28.908.125.000	76.972.187.500	95.765.937.500

Công ty quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư khoản tiền thặng dư vào các khoản đầu tư ngắn hạn và duy trì các hạn mức tín dụng với các ngân hàng.

Công ty Cổ phần Mía đường - Nhiệt điện Gia Lai
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến thu nhập của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro tỷ giá hối đoái

Công ty không có rủi ro tỷ giá hối đoái trọng yếu do các giao dịch của Công ty chủ yếu được thực hiện bằng VND, đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty.

(ii) Rủi ro lãi suất

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, 310 tỷ VND nợ phải trả của Công ty chịu lãi suất thả nổi. Công ty không có chính sách gì để giảm nhẹ tính bất ổn tiềm tàng của lãi suất.

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Công ty như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Công cụ tài chính có lãi suất cố định		
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	6.595.791.935	51.022.090.930
Đầu tư ngắn hạn vào các khoản vay cấp cho các bên liên quan	40.000.000.000	-
	<hr/>	<hr/>
	46.595.791.935	51.022.090.930
Công cụ tài chính có lãi suất thả nổi		
Trả trước cho nông dân trồng mía	73.636.333.098	76.366.478.936
Đầu tư dài hạn vào các khoản vay cấp cho nông dân trồng mía	3.145.102.781	5.465.113.449
Vay ngắn hạn	(159.753.335.670)	(167.000.000.000)
Vay dài hạn	(150.000.000.000)	(212.072.509.474)
	<hr/>	<hr/>
	(232.971.899.791)	(297.240.917.089)

Việc tăng 100 điểm lãi suất cơ bản sẽ làm lợi nhuận thuần của Công ty trong kỳ giảm đi 1,7 tỷ VND. (31/12/2012: 2,2 tỷ VND). Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là tỷ giá hối đoái.

Công ty Cổ phần Mía đường - Nhiệt điện Gia Lai
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(e) Giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ của các tài sản và nợ phải trả tài chính được thể hiện trong bảng cân đối kế toán như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:		
- Tiền và các khoản tương đương tiền	6.599.324.328	51.116.087.640
- Phải thu khách hàng và phải thu khác	17.749.161.789	29.746.414.164
- Đầu tư ngắn hạn	40.000.000.000	-
- Trả trước cho người bán	73.636.333.098	76.366.478.936
- Đầu tư dài hạn khác	3.145.102.781	5.465.113.449
Được phân loại là tài sản tài chính sẵn sàng để bán:		
- Đầu tư vào công cụ vốn	18.541.575.000	14.341.575.000
Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:		
- Phải trả người bán và phải trả khác	11.904.488.497	36.909.285.162
- Các khoản nợ ngắn hạn khác	19.817.420.884	3.601.010.569
- Các khoản vay	309.753.335.670	379.072.509.474

Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin. Các phương pháp sau được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý của mỗi loại công cụ tài chính:

Tiền và các khoản tương đương tiền, đầu tư ngắn hạn vào các khoản cho các bên liên quan vay, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, vay ngắn hạn và nợ phải trả ngắn hạn khác

Giá trị ghi sổ của các công cụ tài chính này xấp xỉ bằng giá trị hợp lý của chúng do thời gian đáo hạn ngắn hạn của các công cụ này.

Đầu tư vào chứng khoán vốn – Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Điện Gia Lai và Cổ phiếu Công ty Cổ phần Nghiên cứu và Ứng dụng Mía đường Thành Thành Công, các khoản đầu tư dài hạn khác vào các khoản vay cấp cho nông dân trồng mía và vay dài hạn

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này nhằm mục đích trình bày trên báo cáo tài chính theo yêu cầu của Điều 28 của Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 bởi vì (i) không có giá niêm yết trên thị trường năng động cho các công cụ tài chính này; và (ii) các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Hệ thống Kế toán Việt Nam không cung cấp hướng dẫn về việc đo lường giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá niêm yết trên thị trường năng động. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

Công ty Cổ phần Mía đường - Nhiệt điện Gia Lai

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

31. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

	Giao dịch cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày		Số dư tại ngày	
	30/6/2013 VND	30/6/2012 VND	30/6/2013 VND	30/6/2012 VND
Các cổ đông				
Công ty Cổ phần Điện Gia Lai				
Mua hàng hóa, tài sản và dịch vụ	228.188.991	18.633.131.114	-	(1.732.498.999)
Cho vay	45.000.000.000	5.000.000.000	20.000.000.000	-
Các khoản vay đã nhận	65.000.000.000	20.000.000.000	-	(20.000.000.000)
Chi phí lãi vay	990.000.001	195.000.000	-	-
Thu nhập lãi cho vay	210.833.333	357.638.889	165.000.000	-
Cổ tức	1.720.989.000	-	1.720.989.000	-
Bán nước uống	2.318.182	-	(144.800)	-
Trả trước mua dịch vụ	1.350.373.000	-	1.181.345.845	-
Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa				
Bán thành phẩm	225.940.947.251	-	(15.072.295.197)	-
Lãi ứng trước vốn	356.482.965	-	-	-
Các công ty liên quan				
Công ty Cổ Phần Đầu tư Thành Thành Công				
Bán thành phẩm	28.185.714.284	-	-	-
Mua hàng hóa và dịch vụ	441.895.818	-	(151.755.818)	-

Công ty Cổ phần Mía đường - Nhiệt điện Gia Lai

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

	Giao dịch cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày		Số dư tại ngày	
	30/6/2013 VND	30/6/2012 VND	30/6/2013 VND	30/6/2012 VND
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Bao bì Thành Thành Công				
Bán thành phẩm	57.651.904.763	-	-	-
Mua hàng hóa	4.946.584.762	-	(6.263.910.000)	-
Cho vay	20.000.000.000	-	20.000.000.000	-
Thu nhập lãi cho vay	255.555.556	-	255.555.556	-
Lãi ứng trước vốn	122.222.222	-	-	-
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Thành Thành Công				
Bán thành phẩm	-	131.761.904.760	-	(1.300.000.000)
Mua vật liệu	-	3.495.744.300	-	-
Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Đặng Thành				
Bán thành phẩm	-	185.415.333.333	-	10.736.100.000
Thành viên Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị				
Tiền lương và thù lao	2.028.817.634	2.222.596.758	-	-

Công ty Cổ phần Mía đường - Nhiệt điện Gia Lai
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

32. Cam kết

(a) Chi tiêu vốn

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	572.908.296.814	605.109.200.800
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	47.433.982.944	19.034.003.896
	<hr/>	<hr/>
	620.342.279.758	624.143.204.696

(b) Cam kết khác

Vào ngày 29 tháng 3 năm 2013, Đại hội Cổ đông của Công ty đã phê duyệt phát hành 705.524 cổ phiếu của Công ty theo mệnh giá cho các nhân sự chủ chốt theo chương trình lựa chọn cho nhân viên. Tại ngày lập báo cáo này, Công ty đang trong quá trình đăng ký các giao dịch trên với Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước.

33. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2013	30/6/2012
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu bao gồm trong chi phí sản xuất	380.861.757.315	313.082.864.221
Chi phí nhân công	27.518.508.482	18.586.189.576
Chi phí khấu hao và phân bổ	30.296.495.412	28.992.562.640
Chi phí dịch vụ mua ngoài	27.032.744.995	11.674.917.861
Chi phí khác	3.201.239.772	3.625.380.864
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Mía đường - Nhiệt điện Gia Lai
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

34. Số liệu so sánh

Một số số liệu so sánh được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày kỳ hiện thời. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong kỳ trước, trước và sau khi được phân loại lại như sau:

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

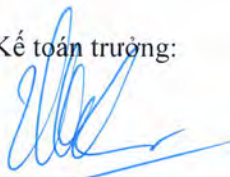
	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2012	30/6/2012
	VND	VND
	(phân loại lại)	(theo báo cáo trước đây)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	1.486.388.563	17.716.579.681
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	(12.369.129.526)	(28.599.320.644)

Người lập biểu:



Tô Thị Tố Nga

Kế toán trưởng:



Nguyễn Xuân Thanh

Tổng Giám đốc:



Cáp Thành Dũng

Ngày 13 tháng 8 năm 2013